

Theo các sách của Đảng Cộng Sản, ngày 11-11-1945 Hồ Chí Minh gọi tắt Đảng Cộng Sản Đông Dương, ngày 3-9-1969 Hồ Chí Minh viết cho u t Mác-Lê.

Ngày nay sách thuyết cho biết Đảng Cộng Sản Đông Dương không gọi tắt năm 1945 và Hồ Chí Minh đã viết cho u t Mác- Lê từ ngày hôm trước 2 tháng 9, 1969.

Cũng trong ngày 2 tháng 9, 1945 Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập.

Thực ra Việt Nam chưa được độc lập năm 1945. Chỉ có công pháp quốc tế, Việt Nam đã thừa nhận chủ quyền độc lập do Hiệp Định Elysee ngày 8 tháng 3, 1949. Cũng trong năm này, 11 quốc gia khác tại Á Châu đã giành được độc lập bằng đường lối chính trị và ngoại giao, không bạo động, không vũ trang và nhất là không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Tháng hai năm 2000, nhà cầm quyền Hà Nội đã tổ chức mừng thọ 100 năm thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Trong dịp này họ viết đơn nhậm thành qu mà họ đã đặt được trong nhà thờ kẻ qua và tổ ban cho mình tờ cách và tính chính thống để được quyền lãnh đạo quốc gia từ trước tới nay và từ nay về sau.

Gột bỏ mọi thành kiến và mọi lý luận tuyên truyền, chúng tôi chỉ căn cứ vào những tài liệu lịch sử và những văn kiện pháp lý để đưa ra những nhận định sau đây liên quan đến chủ trương đường lối của Đảng Cộng Sản.

NHẬN ĐỊNH VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐU TRAH.

a) Trong công cuộc gọi phóng dân tộc, Đảng Cộng Sản chủ trương đấu tranh vũ trang, bạo động, vùng ngoại và liên kết với Quốc Tế Cộng Sản. Trên bình diện dân tộc đây là một sai lầm chí nhiên lúc khi cho 3 triệu thanh niên nam nữ thu c 3 tháng đã phải hy sinh xương máu trong 3 cuộc Chiến Tranh Đông Dương:

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất chống Pháp trong 8 năm (1946-1954)

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Hai chống Thứ Giỏi Dân Chủ (Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ và Đế quốc Minh) trong 20 năm (1955-1975) và

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Ba tiếp chống lại lẫn nhau trong 10 năm, chiến tranh Miền Việt chống kết thúc năm 1989 do sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc.

b) Trong số 14 nước thuộc địa, báo hiệu và giám hộ tại Á Châu, chỉ có 3 nước Đông Dương dưới quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Đông Dương là đã đấu tranh vũ trang, báo động, vùng ngai và liên kết với Quốc Tế Cộng Sản. Trái lại, tất cả 11 quốc gia khác đã đấu tranh công khai, ôn hòa, hợp pháp, không báo động, không vùng ngai và nhất là không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Hơn nữa trong khi Đảng Cộng Sản Đông Dương đưa vào hàng ngũ Quốc Tế Cộng Sản để đấu tranh vũ trang nhằm lật đổ các đế quốc tại bán Tây Phương, thì các đế quốc gia tại Á Châu chỉ trỗi dậy hợp tác và thối thuợng với đế quốc cũ để giành thế trận trong giai đoạn đầu và để c lập trong giai đoạn sau. Cũng vì vậy họ đã tiếp tục kiêu mạn trước nhu cầu hy sinh xương máu và thời gian giành độc lập đã để c rút ngắn rất nhiều, từ 1 đến 4 năm sau Thứ Chiến II, thay vì 30 năm như trỗi dậy hợp Việt Nam .

c) Từ 1946 đến 1949 tất cả các đế quốc Tây Phương như Mỹ, Pháp, Anh và Hà Lan đã liên tiếp tiếp giết tiếp tiếp để tiếp cho 12 thuộc địa Á Châu:
Độc lập năm 1946: Phi Luật Tân thuộc Hoa Kỳ, Syrie và Liban thuộc Pháp.

Độc lập năm 1947: Ấn Độ và Đới Hồi thuộc Anh.

Độc lập năm 1948: Miến Điện, Tích Lan và Palestine thuộc Anh. (Quốc gia Do Thái được thành lập).

Độc lập năm 1949: Việt Nam, Ai Lao, Cao Miên thuộc Pháp, Nam Dương thuộc Hà Lan. (1)

d) Năm 1919 tại Hội Quốc Liên (tổ chức tiền thân của Liên Hiệp Quốc), Tổng Thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson đã xướng quyên Dân Tộc Tự Quyết để khuyếch đại các Độc Quốc Tây Phương đang bành trướng và độc lập cho các thuộc địa Á Phi. Đó trào lưu tiến hóa tốt yếu của lịch sử là sự giải thích tiến bộ của các độc quốc Tây Phương. Trào lưu này được khởi đầu năm 1935 khi Hoa Kỳ trả tự do cho Phi Luật Tân, và năm 1936 khi Pháp trả tự do cho Syrie và Liban.

Như vậy lịch sử chúng mình rằng tại Á Châu, đấu tranh không bao giờ ngừng, không ngừng ngoi và không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản là đấu tranh lợi khôn ngoan và hữu hiệu nhất để giành tự do và độc lập cho quốc gia. Ngược lại, đấu tranh vào hàng ngũ Quốc Tế Cộng Sản để đấu tranh võ trang nhằm lật đổ các độc quốc Tây Phương là một sai lầm chí tử. Đây không phải là chiến tranh giành độc lập mà là chiến tranh ý thức hệ giữa Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ. Kinh nghiệm dân gian cảnh giác rằng họ trâu bò húc nhau là ruồi muỗi chết! 3 triệu thanh niên nam nữ tại Triều Tiên, 3 triệu tại Việt Nam, 2 triệu tại Miên Lào và 1 triệu tại Ấn Độ. Nhưng nhân này đã hy sinh thân sống, không phải để giành độc lập cho quốc gia, mà để cho Đảng Cộng Sản có cơ hội cướp chính quyền.

NHÂN ĐỀ NHỮNG CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP.

a) Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, Đảng Cộng Sản Đông Dương phải đem chủ nghĩa dân tộc (2). Họ không chấp nhận đấu tranh giành độc lập vì quốc gia dân tộc và không quan niệm độc lập quốc gia như một câu cánh tay hữu, một mặt tiêu chí của một tranh thủ với bất cứ giá nào, với bất cứ hy sinh nào, kể cả việc hy sinh những quyên lợi riêng tư của đảng phái. Lịch sử đã chứng minh rằng Đảng Cộng Sản chỉ sợ đấu tranh cuộc đấu tranh giành độc lập như một chiêu bài, một chiến thuật hay một phương tiện để đạt được một tiêu chí của họ là Cướp Chính Quyền. Họ đã chứng tỏ và phá hoại bất cứ giới pháp độc lập nào không cho họ được quyền lãnh đạo quốc gia.

b) Ngày 27-3-1947 Hội Đồng Chính Phủ Ramadier và Hội Đồng các Chính Phủ Pháp (lãnh đạo Quốc Hội và gremium Đảng Xã Hội và Đảng Cộng Sản) công bố Quyết Nghị về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam. Theo Quyết Nghị này Pháp không chấp nhận tái lập thuộc địa tại Á Châu. Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất (ba miền cùng chung một lịch sử, một chế độ, một văn hóa và một ngôn ngữ).(3)

Độc lập là cũng trong năm 1947, Pháp đã chính thức đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. (4)

c) Chủ quyền độc lập của Việt Nam được thừa nhận bởi Hiệp ước Elysée ngày 8-3-1949 ký kết giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Quốc Trưởng Bảo Đại. Ngày 6-6-1949 Quốc Hội Pháp phê chuẩn Hiệp ước Elysée. Từ đó chi phối công pháp quốc tế Việt Nam được hoàn toàn độc lập, các hiệp ước ký với Pháp trong nửa đầu thế kỷ 19 đã bị bãi bỏ (5).

Thời gian này năm 1949, Trung Cộng dùng võ trang thôn tính lực lượng Trung Hoa. Theo sách lược của Quốc Tế Cộng Sản, việc cộng sản hóa Trung Hoa mở đường cho việc cộng sản hóa hai bán đảo Đông Dương và Triều Tiên. Trước nguy cơ này, các nhà lãnh đạo phe Thủ Giới Dân Chủ chủ trương giải phóng Việt Nam trong hàng ngũ Thủ Giới Dân Chủ chủ trương lợi âm mưu thôn tính của phe Quốc Tế Cộng Sản.

Vì Việt Nam là một quốc gia liên kết với Pháp trong tổ chức Liên Hiệp Pháp, giữa Việt Nam và Pháp có nghĩa vụ an ninh hợp tác. Nay Quốc Gia Việt Nam đang bị đe dọa về an ninh quốc nội (nội loạn) và an ninh quốc ngoại (ngoại xâm), nên Pháp có nghĩa vụ phải mang quân (hay đưa quân) để bảo vệ biên thùy Việt Nam. Theo quy chế Liên Hiệp Pháp biên thùy của Việt Nam là biên thùy của Liên Hiệp Pháp và đường biên cũng là biên thùy của Thủ Giới Dân Chủ.

d) Mục đích và ý Đảng Cộng Sản đã phân nhận nhiệm vụ độc lập này. Họ tiếp tục chỉ định vũ trang để thực hiện quy định yêu cầu, để quy định kháng chiến, để quy định thống nhất quốc gia, để quy định ký hiệp ước với Pháp và rồi để quy định lãnh đạo quốc gia.

Đến với Đảng toàn dân tham gia kháng chiến, Đảng Cộng Sản tuyên truyền rằng Pháp đem quân trở lại Việt Nam để tái lập chế độ thu thuế. Do đó họ phải chỉ định vũ trang chống Pháp để giành lại độc lập cho quốc gia.

Đây là một luận điệu tuyên truyền xuyên tạc. Vì từ năm 1947 Hội Đồng Chính Phủ và Chính Đảng Pháp đã quyết định không tái lập chế độ thuế của tại Á Châu và tán thành nguyện vọng độc lập của nhân dân Việt Nam. Trước đó, năm 1946, Pháp đã trả độc lập cho Syrie và Liban. Và trong năm 1947 Pháp đã đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. Và năm 1949, bằng Hiệp ước Elysée, Tổng thống và Quốc Hội Pháp đã chính thức thừa nhận chủ quyền độc lập và thống nhất của Quốc Gia Việt Nam.

III NHỮNG ĐỀ NGHỊ VỀ CUỘC THƯỜNG NHẬT ĐỐI TƯỢNG C.

a) Năm 1975 Đảng Cộng Sản không có công thường nhật đối tượng C. Vì theo quy tắc công pháp, Quốc Gia Việt Nam đã được c lập và thường nhật từ năm 1949 chi u Hiệp Định Élysée ngày 8-3-1949.

Ngày 23-4-1949, Quốc Hội Nam Kỳ biểu quyết gi i tán chủ Nam Kỳ Tự Tr để sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam được lập và thường nhật.

b) Tuy nhiên Đảng Cộng Sản đã ph nh n n được lập này và đã phá hoại n n thường nhật này. Lý do là vì Hiệp Định Élysée không cho h được quy n lãnh đ o quốc gia. Do đó h v n tiếp tục chi n đ u vũ trang và đã ký Hiệp Định Genève chia đôi đ t n c đ c p chính quy n t i Miền Bắc năm 1954. Và r i h l i tiếp tục chi n đ u vũ trang đ thôn tính Miền Nam năm 1975.

K t năm 1955, Đảng Cộng Sản tuyên truy n rằng M đã thay thế Pháp đ thường tr Miền Nam. Do đó h ph i chi n đ u vũ trang ch ng M đ gi i phóng Miền Nam và thường nhật đ t n c. Đây cũng là m t lu n đ u tuyên truy n xuyên t c. Vì quân đ i M chi n đ u t i Triều Tiên và Việt Nam không ph i đ thường tr hai quốc gia này mà đ b o v biên thùy c a Thổ Gi i Dân Ch .

c) Tóm b n đ Việt Nam ông cha chúng ta đã đ bao x ng máu đ t o lập nên h i đ u thế kỷ 19. Sau này, vì hèn yếu và nhu nhược, chúng ta ph i nh ng cho Pháp 6 t nh Miền Nam. Năm 1949 đ ng bào Miền Nam đã hành s quy n dân t c t quy t đ thâu h i ch quy n lãnh thổ và b i đ p l i t m b n đ t Nam Quan đ n Cà Mau. Tuy nhiên, b ng chi n tranh vũ trang, H Chí Minh đã c m tay xé đôi t m b n đ năm 1954 đ c p chính quy n t i Miền Bắc. Và r i, năm 1975, cũng b ng chi n tranh vũ trang, các đ ng chí c a ông ta đã c p chính quy n t i Miền Nam. R i h l y bằng keo dán 2 m nh đ đ l i và tuyên b rằng: “Đ ng Cộng Sản có công thường nhật đ t n c!”.

Chúng tôi đ a ra nh ng nh n đ nh này trên c ng v m t ng i nghiên c u s h c và lu t h c, ch không v i t cách m t cán b tuyên truy n cho m t ch thuy t hay m t ch đ chính tr nào.

ĐI CHI U CÁC PHONG TRÀO GI I PHÓNG DÂN T C T I Á CHÂU.

Mu n có cái nhìn khách quan và trung th c, chúng ta hãy đi chi u công cu c đ u tranh giành đ c l p t i Vi t Nam v i các phong trào gi i phóng dân t c khác t i Á Châu.

Sau Th Chi n II, trong s 14 n c thu c đ a, b o h và giám h t i Á Châu, ch có 3 n c Đông D ng d i quy n lãnh đ o c a Đ ng C ng S n Đông D ng là đã đ u tranh vũ trang, b o đ ng, v ng ngo i và liên k t v i Qu c T Công S n. Trái i các đ ng qu c gia t i 11 n c Á Châu khác đã ch tr ng đ u tranh công khai, ôn hòa, h p pháp, không b o đ ng, không v ng ngo i và nh t là không liên k t v i Qu c T Công S n.

M t năm sau Th Chi n II, t 1946 đ n 1949, t t c các đ qu c Tây Ph ng nh M , Pháp, Anh và Hà Lan đã l n l t gi i th đ tr đ c l p cho 12 n c thu c đ a, b o h và giám h t i Á Châu.

1) 1946: Phi Lu t Tân đ c l p

Hoa K đi ti n phong trong cu c gi i phóng thu c đ a. Nguyên là m t c u thu c đ a, Hoa K có truy n th ng đ u tranh gi i phóng dân t c. Nhân dân Hoa K có c m tình v i nh ng phong trào đ u tranh giành đ c l p t i Á Phi.

Đ u th p niên 1930, Lu t S Quezon, lãnh t Đ ng Qu c gia Phi Lu t Tân đ n Hoa Th nh Đ n v n đ ng Qu c H i Hoa K ban hành quy ch t tr và đ c l p cho Phi Lu t Tân. Năm 1934 Qu c H i Hoa K bi u quy t thông qua Lu t Tydings-McDuffie Act công nh n Phi Lu t Tân là m t qu c gia t tr (dominion) t 1935. Trong đ o lu t này có kh an quy đ nh r ng, 10 năm sau, đúng Ngày Qu c Khánh Hoa K (4 tháng 7, 1945) Phi Lu t Tân s đ c hoàn toàn đ c l p. Tuy nhiên t i ngày đó, Chi n Tranh Thái Bình D ng còn ch a k t thúc, nên Phi Lu t Tân ch đ c tuyên b đ c l p ngày 4-7-1946(tr m t năm vì lý do chi n cu c).

Trong th i chi n tranh, Lu t S Quezon đ c m i tham gia y Ban Chi n Tranh vùng Thái Bình D ng, và ng i ph tá c a ông, Lu t S Roxas ho t đ ng tình báo cho t ng McArthur. Kh u hi u đ u tranh c a Đ ng Qu c Gia Phi Lu t Tân là “Đ c L p do H p Tác”

(Independence through Cooperation).

2) 1946: Syrie và Liban độc lập.

Nếu Hoa Kỳ có truy n thủ ng đ u tranh gi i phóng dân t c, thì Pháp cũng là qu c gia có truy n thủ ng Công Lý, T Do, Bình Đ ng, Bắc Á t n b nh t trong l ch s loài ng i.

T i Syrie và Liban, lãnh đ o phong trào gi i phóng dân t c là Đ ng Nhân Dân t i Syrie và Lu t S Dabbas t i Liban. Dabbas đã t ng du h c t i Paris, n i đây ông hay bi t r ng, bên c nh các đ ng b o th ch tr ng duy trì thu c đ a còn có Đ ng Xã H i Pháp ch tr ng gi i phóng lao đ ng và gi i phóng thu c đ a.

Năm 1936 M t Tr n Bình Dân n m chính quy n, Th T ng Xã H i Léon Blum ký hi p c v i Syrie và Liban đ tr t tr cho 2 qu c gia này. Và 10 năm sau, năm 1946 quân đ i Liên Hi p Pháp rút lui đ tr đ c l p cho Syrie và Liban (Th i gian này t i Trung Đông ch a có nguy c xâm nh p c a Liên Xô)..

3) 1947: n Đ và Đ i H i đ c l p.

Sau các Đ Qu c Hoa Kỳ và Pháp, đ n l t Đ Qu c Anh b t đ u t gi i th . T i Th Chi n II, Anh Qu c đã thành l p đ c m t đ qu c hùng m nh nh t c chí kim ch y t B c M qua Âu Châu, Phi Châu, Á Châu và Úc Châu. Ng i Anh th ng t hào nói: “M t tr i không bao gi l n trên Đ Qu c Anh”. V y mà 2 năm sau Th Chi n II, năm 1947, Đ Qu c Anh b t đ u t gi i th .

T i n Đ , 3 nhà lãnh đ o phong trào gi i phóng dân t c là các Lu t S Gandhi, Nehru và Jinnah. Các v này đã t ng du h c t i Anh, n i đây h hay bi t r ng, bên c nh Đ ng B o Th ch tr ng duy trì thu c đ a, còn có Đ ng Lao Đ ng Anh ch tr ng gi i phóng lao đ ng và gi i phóng thu c đ a.

Năm 1947 Thủ Tướng Lao Động Clement Attlee trở về để lập cho Ấn Độ và Đài Hí, và qua năm sau, 1948, trở về để lập cho Miền Đì, Tích Lan và Palestine, mà cũng là một phần kháng quyết liệt của Churchill, lãnh tụ Đảng Bảo Thủ.

Khác với Đảng Cộng Sản Việt Nam, Đảng Quốc Hội Ấn Độ chỉ trở về để tranh công khai, ôn hòa, hợp pháp, không bạo động, không vùng vằng và nhất là không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Với một dân số quá đông (gần 400 triệu, so với 20 triệu ở Việt Nam năm 1945), trong một xã hội lạc hậu, nghèo đói, thất nghiệp, với những mâu thuẫn trầm trọng về tôn giáo, chủng tộc, ngôn ngữ, đảng cộng và giai cấp, cuộc đấu tranh tại Ấn Độ 10 năm khó hơn tại Việt Nam. Tuy mà Ấn Độ đã giành được độc lập 2 năm sau Thủ Chiên II, trong khi dân tộc ta đã phải hy sinh xương máu ròng rã trong suốt 30 năm.

4) 1948: Miền Đì, Tích Lan, Palestine được lập.

Người anh hùng dân tộc Miền Đì là Aung San (thân phụ bà Aung San Suu Kyi hiện lãnh đạo phong trào Dân Chủ tại Miền Đì). Cũng như Gandhi, Aung San tình nguyện chiến đấu trong Quân Đội Hoàng Gia Anh. Cùng với U Nu, ông thành lập Liên Đoàn Nhân Dân Tự Do Chủng Phát Xít để hợp tác với Đế Quốc Anh, chống Nhật...

Năm 1948 Miền Đì được trao trả độc lập.

Tại Tích Lan Hiện Pháp năm 1931 ấn định thời gian tập sự tối thiểu là 15 năm. Với chủ trương Thiến Chí và Hợp Tác (Good Will and Cooperation), Đảng Quốc Gia Tích Lan đã giành được tự trị năm 1945 và độc lập năm 1948.

Tại Do Thái hai nhà lập quốc Ben Gourion và Moshe Dayan thuộc Đảng Lao Động cũng tình nguyện chiến đấu trong Quân Đội Đế Quốc Minh trong hai trận chiến. Năm 1948 với sự yểm trợ của Hoa Kỳ, quốc gia Do Thái được thành lập dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc. Cũng trong năm này, Palestine thoát khỏi giám hộ của Đế Quốc Anh.

5) 1949: Nam Dương được lập.

Sau các Đệ Quốc Mã, Pháp, Anh đến lượt Đệ Quốc Hà Lan tiếp quản năm 1949. Phong trào giải phóng dân tộc Nam Dương được phát động bởi giải trí thực địa của Hà Lan. Trong khi Đệ Quốc Cộng Sản theo sách lược của Đảng vô trang thì Đệ Quốc Quốc Gia Nam Dương chỉ trông ngóng để tranh ôn hòa bất bạo động bằng cạnh tranh và giáo dục. Sukarno lập Câu Lạc Bộ Văn Hóa Bandung và Hatta lập Hội Giáo Dục Quốc Gia Nam Dương để nâng cao dân trí và chấn hưng dân khí. Hatta du học 10 năm tại Hà Lan và Sjahrir đã tiếp gia nhập Đệ Quốc Lao Động Hà Lan trong thời gian du học.

Năm 1942 Nhật chiếm đóng Nam Dương, Sukarno hợp tác với Nhật. Tháng 8, 1945 Nhật đầu hàng Đệ Quốc Minh, Sukarno tuyên bố Nam Dương được lập. Nhật rút quân khỏi Hà Lan theo chân quân đội Anh sang giải giáp quân đội Nhật, Sukarno chỉ trông ngóng thời cơ giành độc lập.

Trong những năm 1946 và 1948, Đệ Quốc Cộng Sản Nam Dương phát động chiến đấu vũ trang để phá hoại độc lập. Thời gian này nước láng giềng Phi Luật Tân đã được độc lập. Tổng thống Truman vận động Liên Hiệp Quốc áp lực Hà Lan phải hòa đàm với chính phủ Sjahrir. Lúc này Hoa Kỳ đang thực thi Kế Hoạch Marshall để tái thiết Âu Châu thời hậu chiến nên tiếng nói của Hoa Kỳ có trọng lượng đối với Hà Lan. Hội Nghị Bàn Tròn La Haye được triệu tập để sơ bộ thảo luận của Liên Hiệp Quốc. Tháng 12-1949, do Hiệp ước La Haye, Hà Lan thừa nhận chủ quyền được lập của Nam Dương.

Staline thiết lập Đệ Quốc Xô Viết: ảnh hưởng đối với Việt Nam.

Như vậy là từ 1946 đến 1949 tất cả các đế quốc Tây Phương như Mã, Pháp, Anh, Hà Lan đã lần lượt tiếp quản để trở về lập cho 12 thuộc địa Á Châu.

Trong khi đó tại Đông Âu, Staline thiết lập một đế quốc mới mang danh là Đệ Quốc Xô Viết bằng cách thôn tính 3 nước Baltic là Lituanie, Lettonie và Estonie. Sau đó, Liên Xô động "bàn cờ màn số" tại 7 nước Đông Âu là Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Albania, Bulgarie, và Roumanie. Từ đó, chiến tranh lạnh hay chiến tranh ý thức hệ được phát triển qua Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ.

Các nhà lãnh đạo phe Thế Giới Dân Chủ như Truman, Churchill và De Gaulle nhận

quyết không trao Đông Dương cho Đảng Cộng Sản Đông Dương vì họ không muốn Staline mở rộng bức màn sắt tới Đông Âu qua Đông Á.

Riêng tại Việt Nam, De Gaulle cũng nhất quyết không trao Nam Kỳ cho Hồ Chí Minh vì Nguyễn Ái Quốc là cán bộ của Staline và Mao Trạch Đông tại Đông Nam Á.

Cũng vì vậy hồi tháng 12-1945 De Gaulle đã mời cựu hoàng Duy Tân tới đảo Réunion tại Paris thăm ông.

Nhiều tài liệu lịch sử cho biết De Gaulle đã chấp thuận trên nguyên tắc đảo Duy Tân vào năm 1946. Trước đó, hai bên sẽ ký một hiệp ước công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. Chính phủ Việt Nam sẽ được toàn quyền quản trị về mặt nội bộ. Tuy nhiên vì lúc này Đảng Cộng Sản đã chấp chính quyền tại Miền Bắc, nên quân đội Pháp còn phải lo ngại Việt Nam mất thế gian với tư cách là quân đội Liên Hiệp Pháp để giúp Việt Nam giữ quyết các vấn đề an ninh quốc nội (nội loạn) và an ninh quốc ngoại (ngoại xâm). Theo quy chế của tổ chức Liên Hiệp Pháp, giữa Pháp và Việt Nam có nghĩa vụ an ninh hợp tác. Do đó quân đội Pháp có nghĩa vụ bảo vệ biên cương của Việt Nam, đồng thời cũng là biên cương của Liên Hiệp Pháp.

Rất tiếc là mùa Giáng Sinh 1945 Duy Tân đã tiễn máy bay trên sa mạc Trung Phi trên đường tới Paris và đảo Reunion thăm nhà. Nhiều người cho đây là vụ phá hoại. Nguyên nhân phi cơ phát hỏa là vì "hết xăng". Đây là một nguyên nhân hy hữu vì không một phi hành đoàn nào chấp cánh nếu máy bay không chứa đủ xăng nhớt.

Việc Duy Tân mất đi là một bất lợi cho Việt Nam cũng như cho Pháp. Vì nếu đầu năm 1946 Duy Tân và những lực lượng chính phủ quốc gia giành lợi thế, được lập và thống nhất cho Việt Nam thì chiến tranh Việt Pháp sẽ có cơ tránh được. Hồ Chí Minh sẽ không còn được quyền yêu nước và có lẽ chúng còn ai muốn gia nhập Đảng Cộng Sản nữa (năm 1945 Đảng Cộng Sản chỉ có 5 ngàn đảng viên).

Lúc này Đảng Cộng Sản Pháp đã thông báo cho Staline và Hồ Chí Minh biết rằng De Gaulle đã có giới pháp quốc gia với Việt Nam. Cũng vì vậy, ngày 11-11-1945, Hồ Chí Minh gửi báo giới tán Đảng Cộng Sản Đông Dương. Rồi với vai thành lập một chính phủ liên hiệp quốc gia với sự tham gia của Cách Mạng Đảng Minh Hối (với Nguyễn Hữu Thọ) và Việt Nam Quốc Dân Đảng

(với Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tấn Ng Tam) để làm bình phong cho ông nghênh với Pháp.

Ngày 6-3-1946 tại Hà Nội, nhân danh chính phủ liên hiệp, Hồ Chí Minh ký Hiệp ước S< B Sainteny và chấp thuận mọi điều kiện an mà De Gaulle đã thỏa thuận với Duy Tân: Việt Nam là một nước tự do và trung lập trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. 15 ngàn quân Pháp được trú tại Bắc Kỳ trong thời hạn 5 năm.

Sau đó ngày 14-9-1946 tại Paris, Hồ Chí Minh đã đến nhà riêng của Moutet để xin ký Thỏa ước Tạm Thời (Marius Moutet là đồng chí cũ trước khi Nguyễn Ái Quốc bỏ đảng Xã Hội để gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp).

Tuy nhiên mặc dù lúc này De Gaulle đã từ chối, các nhà lãnh đạo Th< Gi< Dân Ch< vẫn nhất quyết không trao Đông Dương cho Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Không còn hy vọng chấp chính quyền bằng ngoại giao, Hồ Chí Minh phát động chiến tranh vũ trang ngày 19-12-1946.

Bằng hành động gây chiến này, Hồ Chí Minh đã vi phạm Hiệp ước S< B Sainteny và Thỏa ước Tạm Thời Moutet.

Do đó, 3 tháng sau, ngày 27-3-1947 Hội Đồng Chính Phủ Ramadier cùng Hội Đồng các Chính Phủ Pháp công bố Quyết Nghị về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam, theo đó Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất.

Điều đáng chú ý là lãnh tụ Đảng Cộng Sản Maurice Thorez và lãnh tụ Xã Hội Marius Moutet đã ký tên vào Quyết Nghị này cùng với Thủ Tướng Ramadier.

Ngoài ra cũng trong năm 1947 tại Liên Hiệp Quốc, Pháp đã chính thức đăng ký 3 nước Đông Dương (Việt Miên Lào) là những quốc gia độc lập.

Như vậy là từ năm 1947 Pháp đã công bố ý định trao trả độc lập và thống nhất cho Việt Nam và đã đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. (Sở dĩ Việt Nam không được gia nhập Liên Hiệp Quốc vì gặp sự phản kháng của Liên Xô hành sự quyên phi quyên.)

Năm 1947, Nguyễn Hữu Chí Minh là người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc là nhà ái quốc biết đặt quyền lợi của quốc gia dân tộc lên trên quyền lợi của đảng phái, thì ông ta đã phải lập tức ngừng chiến đấu cho phe quốc gia có điếu u kiêu hòa đàm và ký kết với Pháp một hiệp ước để giành lại độc lập và thống nhất cho Việt Nam.

Tuy nhiên Hồ Chí Minh không phải là người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc không phải là nhà ái quốc nên ông ta vẫn tiếp tục đẩy lùi chiến tranh vũ trang để phá vỡ mọi giới pháp độc lập quốc gia.

Một điều đáng chú ý các chính phủ Pháp không tiếp nhận trung thành với Quyết Nghị của Hội Đồng Chính Phủ và Chính Đồng Pháp năm 1947.

Ngày 7-12-1947 Cao Uy Bollaert ký Hiệp ước Sơ Bộ Với nh Hồ Long với Quốc Trưởng ng Bảo Đại, để thừa nhận chủ quyền độc lập của Việt Nam. Hiệp ước Sơ Bộ này được chính thức hóa bởi Thông Cáo Chung Với nh Hồ Long ngày 5-6-1948 ký kết giữa Cao ủy Bollaert và Tổng ng Nguyễn Văn Xuân, Thủ Tể ng Chính Phủ Quốc Gia Lâm Thời, với sự bồi đắp của Quốc Trưởng ng Bảo Đại. Theo Hiệp ước này Pháp long trọng thừa nhận nền độc lập của Việt Nam và Việt Nam được quyên t do tiến hành thực tế để thực hiện nền thống nhất quốc gia chi u nguyên tắc dân tộc tự quyên.

Và ngày 8-3-1949 tại Điện Elysée (Paris) Tổng Th ng Pháp Vincent Auriol, nhân danh TổngTh ng Cộng Hòa Pháp và nhân danh Chủ Tể ch Liên Hiệp Pháp, đã ký với Quốc Trưởng ng Bảo Đại Hiệp Định Elysée công nhận Việt Nam Thống Nh t Và Độc Lập trong Liên Hiệp Pháp. (Quy chế Liên Bang Đông Dương đã bị bãi bỏ)

Do Quyết Nghị ngày 23-4-1949 Quốc Hội Nam Kỳ đã giới tán chủ đề Nam Kỳ tự trị và sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

Ngày 6-6-1949 Quốc gia Pháp phê chuẩn Hiệp định Elysée và chính thức thừa nhận quốc gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

Chúng ta không nên có thành kiến cho rằng gia nhập Liên Hiệp Pháp là vì phạm chủ quyền quốc gia. Vì các nước như Anh, Pháp, Canada, Úc, Mỹ, Tân Tây Lan v...v... cũng là những quốc gia độc lập trong Liên Hiệp Anh.

Vấn đề an ninh quốc phòng, năm 1949 Việt Nam không gia nhập Liên Hiệp Pháp thì quân đội viễn chinh Pháp phải rút khỏi Việt Nam (như tại Syrie và Liban năm 1946). Và chỉ trong một vài tuần lễ (như tại Nam Hàn năm 1950), phe Quốc gia Cộng Sản sẽ nhuốm đẫm toàn thể bán đảo Đông Dương.

Khách quan mà xét, năm 1949 độc lập trong Liên Hiệp Pháp là giải pháp tối ưu cho Việt Nam. Chúng ta có thể lắng nghe các chuyên viên Pháp là những người am hiểu phong tục tập quán, biết rõ dân tình nước ta, lại có những kinh nghiệm và khai thác nông lâm súc, công nghệ thủ công mỹ nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng, sông ngòi, hải cảng, công đường v...v... Ngoài ra họ còn có thể giúp chúng ta xây dựng một nền giáo dục phổ thông, một nền hành chính hiện đại và một nền pháp luật độc lập để tiến tới tam quyền phân lập và dân chủ pháp trị.

Vấn đề phát triển, chúng ta có sẵn thế lực trong Liên Hiệp Pháp để xuất cảng các hàng hóa và các nông, lâm, khoáng sản v...v... Do đó, năm 1949, độc lập trong Liên Hiệp Pháp là giải pháp tối ưu cho Việt Nam.

Những rũi ro trong Cộng Sản đã đưa dân tộc ta vào con đường công gai chót chóc trong suốt 40 năm (từ 1949 đến 1989). Điều hiển nhiên là có một Gandhi theo chủ nghĩa dân tộc. Điều bất hạnh của Việt Nam là có một Nguyễn Ái Quốc theo chủ nghĩa quốc tế vô sản. Thế nên kết quả, Chiến tranh Đông Dương Thế Nhì có thể chia làm 3 giai đoạn:

1) 1946-1947: chiến tranh vũ trang.

2) 1947-1949: hoà đàm và thương lượng.

3) 1949-1954: chiến tranh ý thức hệ giữa Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ (như Chiến Tranh Triều Tiên). Vì từ 1949 Việt Nam đã giành được độc lập nên chiến tranh không phải để giải phóng dân tộc, mà là một phong trào tiến giúp Cộng Sản cướp chính quyền.

Chính phủ là phe Thế Giới Dân Chủ đã được di dời bởi Liên Hiệp Pháp, một tổ chức sáng lập bởi Cộng Hòa Pháp là một quốc gia bao mang tiếng đã thôn tính Việt Nam làm thủ cớ để khai thác. Hơn nữa năm 1946 Quân Đội Pháp để lại Phòng với tư cách Quân Đội Việt Nam Chính. Kể từ 1949 Quân Đội Pháp chiến đấu dưới danh nghĩa Quân Đội Liên Hiệp Pháp tại Đông Dương để bảo vệ biên thùy của Việt Nam. Sự thay đổi danh nghĩa là một vấn đề pháp lý chứ không mà ngược lại dân khó có thể nhận được điều gì.

HỢP ĐỊNH ĐÌNH CHIẾN GENÈVE và HIỆP ĐỊNH HÒA BÌNH PARIS.

Chiến Tranh Đông Dương Thế Nhứt kết thúc bởi Hiệp Định Đình Chiến Genève ngày 20-7-1954 (giống như Hiệp Định Đình Chiến Bàn Môn Đàm ngày 27-7-1953 tại Triều Tiên).

Hiệp Định Genève là một hiệp ước thu quân sự có tác dụng “đình chiến và phân định mặt giới tuyến quân sự tạm thời”. Tại vùng giới tuyến thu được quy định kiểm soát của quân đội bên nào thì chính quyền bên ấy phải trách nhiệm quản trị hành chính.

Vì là một hiệp ước quân sự, Hiệp Định Genève chỉ mang chủ ký của 2 tướng lĩnh di dời Quân Đội Bắc Việt (là Thiệu Tụng Quang Bộ) và di dời Quân Đội Liên Hiệp Pháp tại Đông Dương (là Thiệu Tụng Henri Delteil).

Vì không tham chiến ở Việt Nam nên Hoa Kỳ không ký vào Hiệp Định Genève.

Quốc gia Việt Nam cũng không ký. Chỉ có Hiệp Định Elysée 1949, Việt Nam là một hội viên liên kết của Liên Hiệp Pháp. Khi có chiến tranh, quân đội Việt Nam và quân đội Pháp sẽ cùng chiến đấu dưới danh nghĩa quân đội Liên Hiệp Pháp. Một Bộ Tham Mưu Hợp đồng thành lập với một tướng lĩnh Pháp làm tư lệnh hành quân và một tướng lĩnh Việt Nam làm tham mưu trưởng. Vì Hiệp Định Genève là một hiệp ước thu quân sự, nên về phía Liên Hiệp Pháp chỉ cần có chủ ký của vị tướng hành quân Henri Delteil là đủ.

Ngày hôm sau, 21-7-1954, mặt Bắc Tuyên Ngôn Sau Cùng khuyến cáo hai miền Nam Bắc tiếp tục ngừng tuyên chiến năm 1956. Tuy nhiên tuyên ngôn không phải là hiệp định. Vì đây chỉ là bản Tuyên Ngôn Ý Định (declaration d'intention) không mang chữ ký của bất cứ phái đoàn nào (kể cả Bắc Việt) nên không có giá trị pháp lý (Cũng như các bản Tuyên Ngôn Độc lập của Bồ Đào ngày 11-3-1945, của Hà Nội Chí Minh ngày 2-9-1945 và của Sukarno ngày 17-8-1945).

Vào đúng cũng trong ngày 21-7-1954, ngoại trưởng Quốc gia Việt Nam Trần Văn Đương và trưởng phái đoàn Hoa Kỳ Bedell Smith đã ra tuyên cáo minh bạch phản kháng sự áp đặt các giới pháp chính trị trong mặt hiệp định quân sự, mà không có sự thỏa thuận của phái đoàn Quốc gia Việt Nam. (7)

Hiệp Định Đình Chiểu Genève, theo danh xưng, chỉ là một bản hiệp định thu nhận tuý quân sự để đình chỉ ranh giới ngừng bắn theo mặt giới tuyến (vĩ tuyến 38 tại Triều Tiên, vĩ tuyến 17 tại Việt Nam). Nó không áp đặt những giới pháp chính trị. Vấn đề thống nhất Nam Bắc là một vấn đề chính trị thuộc quy định dân tộc tự quyết do hai quốc gia mới đình chỉ sau này (như trưởng hội đồng Triều Tiên: sau hơn 50 năm vẫn chưa có giới pháp chính trị). Do đó Việt Nam Cộng Hòa không vi phạm Hiệp Định Genève khi khước từ ngừng tuyên chiến năm 1956. (8)

Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973 trái lại, là một hiệp định ngoại giao và có tác động chính trị. Trưởng hội đồng mặt nghị định nó mang chữ ký của các đại biểu các quốc gia hay chính phủ khác:

Trần Văn Lãm, ngoại trưởng Việt Nam Cộng Hòa
Williams Roger, ngoại trưởng Hoa Kỳ
Nguyễn Duy Trinh, ngoại trưởng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và
Nguyễn Văn Bình, ngoại trưởng Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam

Điều 15 Hiệp Định Hòa Bình Paris quy định rằng “việc thống nhất Việt Nam sẽ được thực hiện thông qua đàm phán pháp hòa bình trên căn bản thống nhất ngôn ngữ và thỏa thuận giữa Miền Bắc và Miền Nam, không bên nào cưỡng ép bên nào, không bên nào thôn tính bên nào. Thời gian thống nhất sẽ do Miền Bắc và Miền Nam đồng ý thỏa thuận” (theo nguyên tắc nhất trí) (9)

Vậy mà hai năm sau, năm 1975, khi chữ ký của họ còn chưa ráo mực, Bắc Việt phát

đồng chí n tranh võ trang đ thôn tính Miền Nam. Hội trng đã nhng ch cho chí n trng, thng ngh th a thu n đã b b o l c cng ch, và phng pháp hòa bình đã b chí n tranh võ trang xoá b.

Đây là m t vi phạm thô b o Hi p Đ nh Paris. Luật pháp văn minh c a loài ng i đã b thay th b i luật r ng xanh.

KẾT LUẬN:

Nói tóm l i:

1) Ph nhn ch nghĩa dân t c, Đng Cng Sn đã phạm sai l m chí n l c khi liên k t v i Qu c T Cng Sn đ đ u tranh b o đng võ trang khi n dân t c ta ph i hy sinh x ng máu dòng dã trong 40 năm.

2) Đng Cng Sn không có công giành đ c l p năm 1954 vì Vi t Nam đã đ c đ c l p t 1949 chí u Hi p Đ nh Elysée. H n n a, Vi t Nam đã đ c đ c ký t i Liên Hi p Qu c là m t qu c gia đ c l p t 1947.

3) Đng Cng Sn không có công thng nh t đ t n c năm 1975 vì Vi t Nam đã đ c đ c thng nh t năm 1949 khi Qu c H i Nam K bi u quy t gi i tán ch đ Nam K t tr đ sát nh p Nam Ph n vào lãnh th Qu c Gia Vi t Nam đ c l p và thng nh t.

4) Trên bình di n dân t c 3 cu c Chí n Tranh Đông Dng là nhng cu c chí n tranh vô ích, vô lý và vô nghĩa.

5) Vì v y Đng Cng Sn không có t cách và không có tính chính thng đ đ c quy n lãnh đ o qu c gia t tr c t i nay và t nay v sau. Và ch đ CS ph i đ c gi i th đ cho ng i dân đ c quy n m u c u h nh phúc trong m t ch đ Dân Ch Pháp Tr, trong đó các dân quy n và nhân quy n đ c tôn trng, kinh t qu c gia đ c phát tri n và công bng xã h i

đồng chí thi.

L.S. NGUYỄN HỮU THỌ

(GIỚI THIỆU CHỮ ĐỎ CỘNG SẢN, 2002)

CHÚ THÍCH

1) Hai nước còn lại là Mã Lai và Tân Gia Ba trong Liên Bang Mã Lai Á. Năm 1948 Đế quốc CS Mã Lai lập chi nhánh khu chiến đấu vũ trang. Đế quốc lập ra quân, chính phủ Anh ban hành tình trạng thiết quân luật. Từ năm 1952 Đế quốc Quê hương Mã Lai đưa ra chủ trương “độc lập do hợp tác chung” kết hợp các sắc dân Mã Lai, Trung Hoa và người Hindi. LS Abdul Rahman đã từng làm phó chủ tịch lý tưởng Anh. Abdul Razah phục vụ trong quân đội Hoàng Gia Anh thời Thế Chiến Thứ Hai. Sau 5 năm trở lại, Mã Lai được độc lập năm 1957.

Năm 1959 dân tộc Tân Gia Ba được giải phóng do chủ trương “độc lập như liên lập” (với Mã Lai trong Liên Bang Mã Lai Á). Luật Sĩ Lý Quang Diệu đã từng gia nhập Luật Sĩ Đoàn Luân Đôn và Đế quốc Lao Động Anh trong thời gian du học.

Năm 1989, khi hòa bình Đông Dương vẫn chưa, dân số tại 3 nước Đông Dương là 61 triệu và tại 11 nước thuộc địa Á Châu khác là 1 tỷ 40 triệu.

2) Năm 1930 danh xưng “Đế quốc Cộng Sản Việt Nam” đã bị Quốc Tế Cộng Sản bác bỏ và thay bằng danh xưng “Đế quốc Cộng Sản Đông Dương”

3) Nguyễn Khắc Ngộ: Bộ đội, các Đế quốc Phái Quốc Gia và sự thành lập Chính Quyển Quốc Gia.

4) Everyone's United Nations, in book năm 1986, trang 332.

5) Nguyen Khac Ngoc, sdd.

6) Tai Truyen Gandhi: Tri Hoi. Cung nhiet i n Do, phe thiet dan ho cap tai Dong Dong ng gom 20 ngan ngoi da trng. Ben nay chng loi co ngoi i Viet yeu ncc va ngoi i Phap dan ch.

7) Th Nguyen: Dong Dong ng 1945-1973.

8) Do cap dien tng tuy n co tai mot ncc Cng Son ch la chuyen khoi hai. Trong hon 50 nam tai Bc Viet co bao gio ngoi i cong dan doo c hanh so quy n t do ng co va t do bo u co ?

9) Th Nguyen, sdd.

RESTORING THE HISTORIC TRUTH

Nguyen Huu Thong, Esq.

To cast down the communist party's limelight, let's read the following set of compiled documents pertaining to the role of the communist party in struggling for independence and reunification.

To detain the legitimacy and monopoly of leadership, the communist party has relied on the Ho Chi Minh's myths, used camouflage and deceit, false humaneness and false trustworthiness in their seizing the just cause. It placed the communist revolution on the fore of the war of national liberation against colonialism.

A couple of months after its establishment, in September 1930, the Indochinese Communist Party launched the class struggle in the Soviet Nghe Tinh Campaign with the slogan "Uprooting intellectuals, rich farmers, landlords, and village officials." Obviously, the drive meant no national liberation, and it showed the real face of communism in its inception.

In the 1930's the slogan the Indochinese Communist Party used was "Violent Revolution for Land and Independence." Class struggle through agrarian reform was crucial; and independence was but a label, an expedient or tactics to attain the strategic objective to seize power. The communists' number one enemy is not imperialism but nationalism. Loyal to the Communist International's strategy Ho Chi Minh has overtly condemned the Phan Chu Trinh's reform as theatrical.

Under the eyes of the Communist International, all Asian political parties advocating non-violent struggle through political and diplomatic channels are termed followers of reformed nationalism, such as the Congress Party in India; Nationalist Parties in the Philippines, Indonesia, Malaysia, Ceylon; People Parties in Singapore, Burma, Syria; the Labor Party of Israel, etc. Even the Communist Party of Tito in Yugoslavia was labeled reactionary because it had nationalist tendencies and did not follow Stalinism.

After the Soviet Nghe Tinh Campaign, the Communist International severely criticized the Indochinese Communist Party as “lacking the understanding of the dangerous character of reformed nationalism, and failing to fight it.” The reason evoked was, “reformed nationalism is an extremely dangerous and destructive force for the revolution of the proletariat. The leadership monopoly of the proletariat cannot be achieved if reformed nationalism is not totally wiped out. The experience of China and India were examples of the backward and reactionary reformed nationalism. The Party must on its own educate and control its ranks in the permanent fighting against reformed nationalism, seeing it as an anti-revolutionary tool of capitalism. If the prestige of reformed nationalism is not destroyed, the agrarian reform and the anti-colonialist revolution cannot win. One of the followers of reformed nationalism is the Vietnamese Kuomintang”.

In about the same time, the Indochinese Communist Party warned their members that, “you should not misunderstand that when we celebrate the Yen Bay uprising we agreed with nationalism and totally respected the leaders of the Vietnamese Kuomintang. We should make use of this observance to clarify for the sake of the nation’s great masses of farmers and workers that communism and nationalism are completely opposite and they can never be compatible.”

As international communism condemned Gandhi as a nationalist reformist, henchman of the British Empire, Ho Chi Minh also criticized Phan Chu Trinh as “having asked the French to achieve reformism. This is a mistake and is no different from begging pity from the enemy.” (Tran Dan Tien: Anecdotal Compilations on the Life of Chairman Ho).

The above is the Indochinese Communist Party’s standpoint on nationalism. Nevertheless, one knows that afterwards, Ho Chi Minh used deceitfulness and camouflage by hiding communism under the label of nationalism to win the just cause and seize power.

In the preface of the book “Ho Chi Minh in China, a false nationalist” by Tuong Vinh Kinh, Hoang Ly Luc commented that

Ho Chi Minh had copied Mao Tse Tung's false nationalism: "If communism can thrive, on the one hand, it leans on nationalism, but on the other, it plots to destroy nationalism's power".

"While the Chinese Communists put on a nationalist robe to win the just cause, took advantage of the Sino-Japanese war to strengthen their forces and to establish maquis, Ho Chi Minh also created the national front (Viet Minh), the coalition front (Lien Viet), the front of liberation (of the South), to prepare for an armed war and to destroy nationalist parties. He follows a simple principle that is whatever agrees with his interests, he would not hesitate to take advantage of, and whatever stands in his way, he would have recourse to any means to get rid of or destroy. His growth was not due to communism. He used many false names, fake organizations, pretended to practice nationalism to camouflage his objective of seizing power. In 1944, the Great Vietnam Party (Dai Viet) and the Vietnam Kuomintang joined together to elect a Central Executive Committee comprising 29 members, all chosen among the Vietnamese elite. Since this party possessed strong bases in Vietnam, it became a tough adversary of the Viet Minh on the road to seize power.

Because of the above reason, Viet Minh severely criticized the Dai Viet Party as "following the enemy's shadow in

a shameless manner, setting up schemes to help the wicked.” In truth, setting up schemes to help the wicked was just the devious acts of Ho Chi Minh. All his activities aimed solely at organizing and developing the party. Whether or not Vietnam could attain independence was only of secondary importance.”(Tuong Vinh Kinh, ibid).

In the last 70 years, the communist party has been using camouflage and deceit to seize power with its three objectives of independence, freedom, and happiness.

As far as the fighting for independence objective is concerned, the communist party followed false nationalism.

As far as the carrying out freedom and democracy objective is concerned, the communist party followed false democratic socialism.

As far as the pursuit of happiness objective is concerned, the communist party followed false social justice, false land reform and false market economy, the so-called socialist-oriented market economy.

THE COMMUNIST PARTY DID NOT DESERVE ANY CREDIT FOR THE INDEPENDENCE AND REUNIFICATION OF THE COUNTRY

In February 2000, the Hanoi authorities solemnly celebrated the 70th anniversary of the Indochinese Communist Party. On that occasion, they cited the achievements in the last half-century to confer upon themselves the legitimacy to hold the monopolistic leadership of the nation since then and from now onto the future.

The following is an objective evaluation -free from prejudice and propaganda arguments-of the policy lines of the Indochinese Communist Party:

ON THE NATURE OF THE COMMUNIST STRUGGLE

(a) In its policies on national liberation, the Indochinese Communist Party advocated an armed, foreign-oriented, and closely linked to international communism struggle. On the national standpoint, these policies were strategic mistakes

leading to the loss of lives of 3 million Vietnamese youths belonging to 3 successive generations in the 3 Indochinese wars:

- 1) The First Indochinese War against France and South Vietnam lasting 8 years (1946-1954),
- 2) The Second Indochinese War against the Democratic World (South Vietnam, the U.S.A. and Allies) lasting 20 years (1955-1975), and
- 3) The Third Indochinese War against neighbors lasting 10 years (The Cambodian-Vietnamese War ended in 1989 due to an intervention of the United Nations).

(b) Of the 14 former colonies, protectorates and mandates in Asia, only the three

Indochinese countries under the control of the Indochinese Communist Party adopted a form of struggle that was violent,

foreign-oriented, and closely linked to the Communist International. On the contrary, all other countries led an open, moderate, legal, non-violent, non foreign-oriented, and primarily non-linked to the Communist International, struggle.

Moreover, while the Indochinese Communist Party aligned itself with the Communist International to lead an armed fight aiming at toppling Western capitalist empires, nationalist parties in Asia promoted cooperation and negotiation with former colonialist powers to obtain autonomy in a first phase and independence in the next. This policy saved bloodshed and time, the latter was, as a matter of fact, shortened drastically from 1 to 4 years after World War II instead of 30 years as in the Vietnam case.